

Số: 1796 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 14 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành những nội dung được giao tại các luật được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp bất thường lần thứ năm

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 89/TTr-STP ngày 20 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành những nội dung được giao tại các luật được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp bất thường lần thứ năm (Danh mục kèm theo).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, Sở Tài chính, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội được phân công chủ trì soạn thảo văn bản theo danh mục có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu xây dựng dự thảo quyết định của Ủy ban

nhân dân tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các vấn đề được Luật giao trên cơ sở văn bản hướng dẫn của Trung ương, bảo đảm chất lượng, tiến độ soạn thảo, thời hạn trình văn bản quy định chi tiết.

2. Cơ quan phối hợp soạn thảo và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm phối hợp tham gia ý kiến xây dựng dự thảo, bảo đảm chất lượng và tính khả thi của văn bản.

3. Giao Sở Tư pháp theo dõi, đôn đốc việc soạn thảo văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; phối hợp, hướng dẫn các đơn vị xây dựng quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành đảm bảo trình tự, thủ tục theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các Nghị định hướng dẫn thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, các phòng, ban, THNC.



Võ Tấn Đức



DANH MỤC

Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành những nội dung được giao tại các luật được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp bất thường lần thứ năm

(Kèm theo Quyết định số 1796/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Căn cứ ban hành	Dự kiến tên gọi văn bản	Thời gian dự kiến ban hành	Cơ quan chủ trì soạn thảo
1	Căn cứ khoản 4 Điều 102 Luật Đất đai	Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	năm 2024	Sở Xây dựng
2	Căn cứ khoản 4 Điều 103 Luật Đất đai	Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển	năm 2024	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
3	Căn cứ khoản 6 Điều 103 Luật Đất đai	Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	năm 2024	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
4	Căn cứ khoản 2 Điều 104 Luật Đất đai	Quy định về bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	năm 2024	Sở Tài chính
5	Căn cứ điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 109 Luật Đất đai	Quy định về phương án giải quyết việc làm và đào tạo nghề khi nhà nước thu hồi đất	năm 2024	Sở Lao động Thương binh và Xã hội
6	Căn cứ khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai	Quy định về hỗ trợ tạm cư trong thời gian bố trí tái định cư; cơ chế thưởng cho người bàn giao mặt bằng trước thời hạn	năm 2024	Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Căn cứ ban hành	Dự kiến tên gọi văn bản	Thời gian dự kiến ban hành	Cơ quan chủ trì soạn thảo
7	Căn cứ khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai	Quy định chi tiết về suất tái định cư tối thiểu; quyết định việc hỗ trợ để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất hoặc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở cho các hộ gia đình còn thiếu khi nhà nước thu hồi đất	năm 2024	Sở Tài nguyên và Môi trường
8	Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 137 Luật Đất đai	Quy định các giấy tờ làm căn cứ cấp giấy chứng nhận và giao UBND cấp tỉnh quy định các loại giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993	năm 2024	Sở Tài nguyên và Môi trường
9	Căn cứ khoản 4 Điều 139 Luật Đất đai	Quy định đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang, không có tranh chấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	năm 2024	Sở Tài nguyên và Môi trường
10	Căn cứ khoản 5 Điều 141 Luật Đất đai	Quy định hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993	năm 2024	Sở Tài nguyên và Môi trường
11	Căn cứ khoản 5 Điều 176 Luật Đất đai	Quy định hạn mức giao đất nông nghiệp chưa sử dụng cho cá nhân để đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	năm 2024	Sở Tài nguyên và Môi trường
12	Căn cứ khoản 3 Điều 177 Luật Đất đai	Quy định hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	năm 2024	Sở Tài nguyên và Môi trường
13	Căn cứ khoản 3 Điều 178 Luật Đất đai	Quy định diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	năm 2024	Sở Tài nguyên và Môi trường

14	Căn cứ khoản 2 Điều 195 Luật Đất đai	Quy định hạn mức giao đất cho cá nhân tại nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	năm 2024	Sở Tài nguyên và Môi trường
15	Căn cứ khoản 2 Điều 196 Luật Đất đai	Quy định hạn mức giao đất cho cá nhân tại đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	năm 2024	Sở Tài nguyên và Môi trường
16	Căn cứ khoản 4 Điều 213 Luật Đất đai	Quy định hạn mức và quyết định diện tích đất giao cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	năm 2024	Sở Tài nguyên và Môi trường
17	Căn cứ khoản 4 Điều 220 Luật Đất đai	Quy định tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	năm 2024	Sở Tài nguyên và Môi trường